

電車やバスの車内でのマナー

Những phép tắc (hoặc quy tắc ứng xử) khi ở trong xe điện và xe buýt.

先月は電車に乗ったり降りたりする際の大事なマナーについてお伝えしました。今月は、電車やバスの中で過ごすときのマナーについて紹介します。公共交通でのルールを守るとは日本社会で共生するためにとても大事なことの一つなので、しっかり覚えましょう。

Tháng trước, chúng tôi đã chia sẻ về những phép tắc quan trọng khi lên và xuống tàu điện. Tháng này, chúng tôi sẽ giới thiệu về những quy tắc ứng xử khi ở bên trong tàu điện và xe buýt. Việc tuân thủ các quy định khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng là một trong những điều rất quan trọng để có thể sống hòa hợp trong xã hội Nhật Bản, vì vậy hãy ghi nhớ cẩn thận nhé.

車内で携帯電話の通話をしない

Không nói chuyện điện thoại di động trong xe (tàu/xẻ buýt).

私が先日、京都に遊びに行ってバスに乗ったとき、混雑している車内の後ろの方で、携帯電話で10分以上も大きな声で話している欧米人がいました。周囲の乗客が迷惑そうな顔で彼をちらちら見ましたが、その人は素知らぬ顔でした。これは外国人が日本社会の感情を害する代表的な行為の一つです。

Hôm trước, khi tôi đi chơi ở Kyoto và lên xe buýt, ở phía sau của một chiếc xe đang rất đông đúc, có một người phương Tây nói chuyện điện thoại di động rất to suốt hơn 10 phút. Những hành khách xung quanh nhìn anh ta với vẻ khó chịu, nhưng người đó vẫn tỏ vẻ như không hề hay biết. Đây là một trong những hành vi điển hình khiến người nước ngoài làm tổn thương cảm xúc của xã hội Nhật Bản.

日本の電車やバスの車内で携帯電話で通話することは禁止されています。日本人の多くが、他人が車内で携帯電話で話す声を不快に感じるからです。もし、すいているバスの中で携帯電話で通話をする、運転手から車内放送で注意されます。電車内では車掌に見つからない限り注意はされませんが、乗客の多くが不快に感じます。

Ở Nhật Bản, việc nói chuyện điện thoại di động trong tàu điện hay xe buýt bị cấm. Điều này là do phần lớn người Nhật cảm thấy khó chịu khi nghe người khác nói chuyện điện thoại trong xe. Nếu bạn nói chuyện điện thoại trong một chiếc xe buýt vắng người, tài xế có thể sẽ nhắc nhở bạn qua loa phát thanh trong xe. Trên tàu

điện, nếu không bị nhân viên soát vé phát hiện thì thường sẽ không bị nhắc nhở, nhưng phần lớn hành khách sẽ cảm thấy khó chịu.

電車やバスの中で携帯電話の通話をする人の中には外国人が多いそうです。日本で暮らす外国人と共生するために日本社会も努力していますので、技能実習生の皆さんもこのようなルールを守りましょう。

Nghe nói trong số những người nói chuyện điện thoại di động trên tàu điện và xe buýt, có khá nhiều là người nước ngoài. Vì xã hội Nhật Bản cũng đang nỗ lực để cùng chung sống với người nước ngoài đang sinh sống tại Nhật, nên các bạn thực tập sinh kỹ năng cũng hãy tuân thủ những quy tắc như thế này nhé.

電車に乗っているときに電話がかかってきたら、呼び出し音をすぐに切って、「後でかけ直します」とメッセージを送るなどしてください。または、電車に乗る前に消音モードにしておきましょう。

Khi đang đi tàu điện mà có cuộc gọi đến, hãy nhanh chóng tắt tiếng chuông và gửi tin nhắn như “Tôi sẽ gọi lại sau.” Ngoài ra, bạn cũng nên chuyển điện thoại sang chế độ im lặng trước khi lên tàu.

電車内で食べ物を食べない Không ăn uống trong tàu điện.

日本の電車の中では原則として弁当や菓子を食べません。チョコレートやあめなど小さなお菓子を口に運ぶことにはまったく問題がありませんが、スナック菓子やおにぎり、弁当を車内で食べると、周りから好奇の視線で見られる場合がありますので、注意してください。また、電車内でペットボトルの水やジュースを飲むことは大丈夫ですが、酒類を飲むことは禁止されています。

Nguyên tắc chung là trong tàu điện ở Nhật Bản không được ăn hộp cơm (bento) hay bánh kẹo. Việc ăn những loại bánh kẹo nhỏ như sô-cô-la hay kẹo thì hoàn toàn không có vấn đề gì, nhưng nếu ăn đồ ăn vặt như snack, cơm nắm (onigiri) hay hộp cơm trong tàu thì có thể bị những người xung quanh nhìn với ánh mắt tò mò, nên bạn hãy lưu ý. Ngoài ra, uống nước đóng chai hoặc nước ngọt trong tàu điện thì được phép, nhưng uống các loại rượu bia bị cấm.

ただし、新幹線や特急列車の座席では自由に飲食できますし、酒類を飲んでも大丈夫です。また、普通列車でも2席ずつ向かい合って座る4人がけの席ではある程度の飲食が許容されています。

Tuy nhiên, trên các ghế ngồi của tàu cao tốc Shinkansen hoặc tàu tốc hành đặc biệt (tokkyū), bạn có thể tự do ăn uống và thậm chí uống rượu bia cũng không sao. Ngoài

ra, trên các tàu thường (futsūressha), ở những chỗ ngồi dành cho 4 người đối diện nhau (2 ghế đối diện 2 ghế), việc ăn uống cũng được chấp nhận ở mức độ nhất định.

ゴミを車内に残さない Không để lại rác trong xe (tàu điện, xe buýt).

先日、私が大きな空港で電車を降りようとする、先に降りたアジア人女性3人が座っていた席にお菓子の袋などゴミがたくさん残されていました。電車やバスの中など公共の場所でゴミを捨てない、ゴミ箱以外にゴミを捨てないというルールがあるのは皆さんもご存じのことと思います。日本では、ゴミに関するルールが全体的にしっかり守られており、これを守らない人たちには、厳しい目線が向けられます。外国人と日本社会との共生を進めるためにも、ゴミに関するルールを電車やバスの中でもしっかり守ってください。

車内で出たゴミは、新幹線や特急列車の場合は車内のデッキにゴミ箱がありますし、新幹線の駅には必ずゴミ箱がありますので、それら利用しましょう。在来線の駅にはゴミ箱のある駅とない駅があり、ゴミ箱のない駅で降りた場合は、自宅まで持ち帰ってください。

Hôm trước, khi tôi chuẩn bị xuống tàu điện ở một sân bay lớn, tôi thấy ở chỗ ngồi của ba người phụ nữ châu Á vừa xuống trước đó có rất nhiều túi bánh kẹo và rác thải bị để lại. Tôi nghĩ mọi người đều biết rằng có quy tắc không vứt rác ở những nơi công cộng như trong tàu điện hay xe buýt, và không được vứt rác ở những nơi không phải thùng rác. Ở Nhật Bản, các quy tắc liên quan đến rác thải được tuân thủ rất nghiêm ngặt, và những người không tuân thủ sẽ bị nhìn với ánh mắt nghiêm khắc. Để thúc đẩy sự chung sống hài hòa giữa người nước ngoài và xã hội Nhật Bản, mọi người hãy nghiêm túc tuân thủ các quy tắc về rác thải trong tàu điện và xe buýt nhé.

Đối với rác thải phát sinh trong xe, trên các tàu cao tốc Shinkansen hoặc tàu tốc hành đặc biệt thường có thùng rác ở khu vực hành lang trong xe, và ở các ga Shinkansen cũng luôn có thùng rác, nên hãy tận dụng những thùng rác đó. Ở các ga tàu thường (zairaisen) có nơi có thùng rác, có nơi không, nên nếu bạn xuống ở ga không có thùng rác thì hãy mang rác về nhà để bỏ.

未来へつなげる大切なヒント

Những gợi ý quan trọng để kết nối tới tương lai

もしもに備えて！病院の受診の仕方を学ぼう

Hãy chuẩn bị cho những trường hợp khẩn cấp! Cùng tìm hiểu cách đi khám tại bệnh viện

日々の仕事の中でも健康的でいることが大事です。しかし怪我や病気は突然起こります。あらゆる仕事には怪我のリスクが潜んでいますし、どんなに健康的な生活を心がけていても風邪や病気にかかることがあります。

Việc duy trì sức khỏe là điều rất quan trọng trong công việc hằng ngày. Tuy nhiên, chấn thương hoặc bệnh tật có thể xảy ra bất ngờ. Trong bất kỳ công việc nào cũng luôn tiềm ẩn nguy cơ bị thương, và dù bạn có cố gắng sống lành mạnh đến đâu thì cũng có khả năng bị cảm hoặc mắc bệnh.

病気や怪我になった！そんなときはどうする？

Khi bị ốm hoặc bị thương thì phải làm sao?

そのときに行くのが「病院」です。しかし、日本の病院の受診方法は、皆様の母国のやり方とは異なるかもしれません。なにをすればいいかわからない、必要な持ち物がわからない。そのままだと最悪の場合、受診できない可能性もあります。「万が一」に備えて病院の受診方法について学びましょう。

Lúc đó, bạn cần đến “bệnh viện”. Tuy nhiên, cách đi khám tại bệnh viện ở Nhật Bản có thể khác với cách ở đất nước của bạn. Bạn có thể không biết phải làm gì, cần mang theo những gì. Nếu không chuẩn bị kỹ, trong trường hợp xấu nhất, bạn có thể không được khám. Hãy tìm hiểu cách đi khám bệnh tại Nhật Bản để chuẩn bị cho “trường hợp khẩn cấp”.

病院で受診するとは Khám bệnh tại bệnh viện là gì?

「受診」とは、健康に何らかの問題が生じたときに病院に赴き、医師による診断や検査を受け、その結果に基づいて治療を行う一連のプロセスを指します。

“Khám bệnh” nghĩa là khi sức khỏe có vấn đề, bạn sẽ đến bệnh viện để được bác sĩ khám, kiểm tra, và tiến hành điều trị dựa trên kết quả kiểm tra. Đó là một quá trình bao gồm nhiều bước từ lúc đến bệnh viện đến khi nhận được chẩn đoán và điều trị.

持ち物 物品 cần mang theo

必要なもの Những thứ cần thiết:

資格確認書: 診療を受ける際に必ず必要です Thẻ bảo hiểm y tế → Bắt buộc phải có khi đi khám bệnh.

在留カードまたはパスポート(身分証明書): 身分を証明するために必要です

Thẻ lưu trú hoặc hộ chiếu → Cần thiết để xác minh danh tính.

現金(診療費+交通費): 一万円ほど持っておくと安心です

Tiền mặt (phí khám bệnh + phí đi lại) → Nên mang theo khoảng 10,000 yên để yên tâm.

あると便利なもの Những vật dụng nên mang theo (nếu có thì sẽ tiện lợi hơn)

メモと筆記用具 Sổ ghi chú và bút viết

医師の説明を記録しておくと、後で確認しやすくなります

→ Ghi lại lời giải thích của bác sĩ sẽ giúp bạn dễ dàng kiểm tra lại sau này.

マスク Khẩu trang

病院内には感染症の患者がいる可能性があるため、予防として着用しましょう

→ Trong bệnh viện có thể có bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm, nên hãy đeo khẩu trang để phòng ngừa.

STEPS: 1. 予約 BƯỚC 1: Đặt lịch hẹn

病院によっては事前に予約が必要な場合があるため、近くの病院が予約制かどうかを調べておき、必要な場合には予約します。

Tùy theo bệnh viện, có nơi bắt buộc phải đặt lịch trước. Hãy kiểm tra xem bệnh viện gần bạn có cần đặt hẹn hay không, và nếu cần thì hãy liên hệ đặt lịch trước khi đến.

STEPS: 2. 来院 BƯỚC 2: Đến bệnh viện

病院(予約した場合にはその日)へ行きましょう。

Đến bệnh viện theo đúng ngày và giờ đã đặt hẹn (nếu đã đặt lịch).

STEPS: 3. 受付 BƯỚC 3: Làm thủ tục tại quầy tiếp tân

受付で診察を受けに来たことをスタッフに伝え、指示に従ってください。健康保険証と身分証明書を提出します。診察問診票や同意書などの書類が渡されるので、記入後、スタッフへ提出しましょう。わからないことがあれば、遠慮せずスタッフに質問してください。

Thông báo với nhân viên là bạn đến để khám bệnh. Nộp thẻ bảo hiểm y tế và giấy tờ tùy thân (thẻ lưu trú hoặc hộ chiếu). Bạn sẽ nhận được các giấy tờ như phiếu khai thông tin sức khỏe (問診票 – Monshinhyo) hoặc giấy đồng ý điều trị (同意書 – Dōisho). Sau khi điền xong, nộp lại cho nhân viên. Nếu có điều gì không hiểu, hãy hỏi nhân viên mà không cần ngại ngùng.

STEPS: 4. 問診 BƯỚC 4: Khai báo triệu chứng

書類を提出すると、スタッフが診察窓口へ案内します。

指定された場所で待機しましょう。

Sau khi nộp giấy tờ, nhân viên sẽ hướng dẫn bạn đến khu vực khám bệnh. Hãy chờ tại khu vực được chỉ định.

STEPS: 5. 診察 BƯỚC 5: Khám bệnh

名前が呼ばれたら、指定された診察室へ入りましょう。医師が診察を行い、怪我の具合や体の症状を確認します。

Khi được gọi tên, hãy vào phòng khám đã được chỉ định.

Bác sĩ sẽ kiểm tra tình trạng vết thương hoặc triệu chứng trên cơ thể của bạn.

STEPS: 6. 検査 BƯỚC 6: Xét nghiệm

医師が必要と判断した場合、血液検査や尿検査などを実施します。

Nếu bác sĩ thấy cần thiết, bạn sẽ được chỉ định làm các xét nghiệm như xét nghiệm máu, nước tiểu,...

STEPS: 7. 治療 BƯỚC 7: Điều trị

診断結果をもとに、医師が治療を施します。

必要に応じて薬の処方や治療方針の説明を受けます。終了したら診察室を出ましょう。

Dựa trên kết quả chẩn đoán, bác sĩ sẽ tiến hành điều trị.

Bạn cũng sẽ được giải thích về cách điều trị hoặc đơn thuốc nếu có. Sau khi kết thúc, hãy rời khỏi phòng khám.

STEPS: 8. 会計 BƯỚC 8: Thanh toán

① 受付に戻り、診察料金を支払います。忘れずに精算してください。

② 薬が処方される場合は、処方箋を受け取りましょう。

近くの薬局へ行き、スタッフに処方箋を渡して料金を支払い、薬を受け取ります。

① Quay lại quầy tiếp tân để thanh toán phí khám bệnh. Đừng quên thanh toán.

② Nếu có đơn thuốc, bạn sẽ được cấp phiếu kê thuốc

Mang phiếu này đến nhà thuốc gần bệnh viện, nộp cho nhân viên nhà thuốc, thanh toán và nhận thuốc.

こちらのガイドラインに沿って病院の受診を行ってください。

Hãy đi khám bệnh theo đúng hướng dẫn này.

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

5Sと安全 5S và An Toàn

～5Sの徹底で事故を防ごう！～

～Phòng tránh tai nạn bằng cách thực hiện nghiêm túc 5S!～

1. 5Sとは何か？

5Sとは、整理 (Seiri)、整頓 (Seiton)、清掃 (Seiso)、清潔 (Seiketsu)、躰 (Shitsuke) の5つの言葉の頭文字のSをとったもので、安全で効率的な職場をつくるための改善活動の一つです。

1. 5S là gì?

5S là viết tắt của 5 từ tiếng Nhật bắt đầu bằng chữ S.

Seiri (整理): Sàng lọc, Seiton (整頓): Sắp xếp, Seiso (清掃): Sạch sẽ, Seiketsu (清潔): Sẵn sàng, Shitsuke (躰): Sẵn sàng. 5S là một trong những hoạt động cải tiến nhằm xây dựng nơi làm việc an toàn và hiệu quả.

2. 5Sが乱れている職場では事故が多い！ 2. Nơi làm việc không thực hiện 5S sẽ dễ xảy ra tai nạn!

写真のように5Sができていない職場では、次のような事故が起こることがあります。

Tại nơi làm việc không thực hiện tốt 5S như trong hình, có thể xảy ra những tai nạn sau:

- ・床や通路に放置された材料や工具につまずいて転倒する。
- ・床にこぼれた水や油に滑って転倒する。
- ・職場のルールを守らないことが原因で、自分がケガをしたり、他人にケガをさせたりする。

- Vấp ngã do các vật liệu hay dụng cụ bị bỏ lại trên sàn hoặc lối đi.
- Trượt ngã do nước hoặc dầu đổ trên sàn.
- Gây thương tích cho bản thân hoặc người khác do không tuân thủ nội quy nơi làm việc.

3. 安全な職場をつくるために大切なことは？

3. Điều quan trọng để tạo ra một nơi làm việc an toàn là gì?

- 不要なモノは処分し、必要なモノは取りやすく並べる(整理・整頓)
- 定期的に職場や工具を清掃し、異常があれば指導員に報告する(清掃)
- いつも職場を「きれい」な状態に保つ(清潔)
- 作業手順や保護具着用などのルールを必ず守る(躰)
- Loại bỏ những vật không cần thiết và sắp xếp những vật cần thiết sao cho dễ lấy (Seiri & Seiton).
- Vệ sinh nơi làm việc và dụng cụ thường xuyên, nếu phát hiện điều bất thường thì báo cáo với người hướng dẫn (Seiso).
- Luôn giữ nơi làm việc sạch đẹp (Seiketsu).
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định như quy trình làm việc, đeo đồ bảo hộ (Shitsuke).

4. 今日からできる5Sチェック 4. Kiểm tra 5S có thể thực hiện từ hôm nay

5Sは特別な道具や技術がなくても始められます。毎日次のことを確認してください。

- 使っていないモノやゴミは放置せず片付けているか？
- 使った道具は元の場所に戻しているか？
- 床が濡れていたらすぐにふきとっているか？

・職場のルールや作業手順を必ず守っているか？

5S có thể bắt đầu mà không cần dụng cụ hay kỹ thuật đặc biệt. Hãy kiểm tra những điều sau mỗi ngày:

・Có đang dọn dẹp rác thải hay đồ không sử dụng, không để chúng nằm bừa bãi không?

・Dụng cụ đã sử dụng có được trả về đúng vị trí không?

・Nếu sàn bị ướt, có được lau khô ngay không?

・Có luôn tuân thủ nội quy nơi làm việc và quy trình làm việc không?

実習生の皆さんへ Gửi đến tất cả các thực tập sinh

日々行う小さな5S活動が、安全な職場をつくる大きな力になります！

Những hoạt động 5S nhỏ hàng ngày sẽ trở thành sức mạnh to lớn để tạo nên một nơi làm việc an toàn!

日本語学習攻略法

Phương pháp học tiếng Nhật

他の国の言語と異なり、日本語では、ひらがなとカタカナ、漢字を使います。日本人は、場面に応じて、3種類の言葉を使い分けます。どのようなときにひらがな・カタカナを使うのか確認してみましょう。

Khác với ngôn ngữ của các quốc gia khác, tiếng Nhật sử dụng Hiragana, Katakana và Kanji. Người Nhật sử dụng ba loại chữ viết này tùy theo tình huống. Hãy cùng xem khi nào thì nên sử dụng Hiragana và Katakana.

今月のテーマ

Đề tài tháng này

ひらがなとカタカナの使い分け方

Cách phân biệt cách sử dụng Hiragana và Katakana

【ひらがなを使うとき】【Khi sử dụng Hiragana】

常用漢字を使わない言葉 Những từ không thuộc bảng Kanji thông dụng (Jōyō Kanji)

日常的に日本で使われる漢字のことを常用漢字といいます。常用漢字以外の難しい漢字はひらがなで表現する場合がほとんどです。常用漢字は日本の文化庁のホームページにも載っているので、興味がある人は調べてみてください。

Kanji thông dụng (Jōyō Kanji) là những chữ Hán được sử dụng phổ biến trong tiếng Nhật hàng ngày. Những chữ Kanji khó, không nằm trong danh sách này, thường được viết bằng Hiragana. Bảng Kanji thông dụng có trên trang web của Cục Văn hóa Nhật Bản, nếu bạn quan tâm thì hãy thử tìm hiểu nhé.

優しい日本語 Tiếng Nhật dễ (Yasashii Nihongo)

日本語に慣れていない外国人や日本人の子どもを対象に、やさしい日本語としてひらがなを使うことがあります。ひらがなを使うことでわかりやすく、柔らかい印象になります。

Hiragana đôi khi được sử dụng để tạo ra “tiếng Nhật dễ” dành cho người nước ngoài chưa quen với tiếng Nhật hoặc trẻ em Nhật Bản. Việc sử dụng Hiragana giúp văn bản dễ hiểu và tạo cảm giác nhẹ nhàng, mềm mại hơn.

【カタカナを使うとき】【Khi sử dụng Katakana】

外国からきた言葉を表すとき Để diễn tả các từ mượn từ nước ngoài

外国からきた言葉はカタカナを使って表します。

例) チョコレート

ただし、必ずしも外来語＝英語ではないところには注意が必要です。例えば、パンは英語ではありません。英語では bread (ブレッド) といいます。

Những từ có nguồn gốc từ nước ngoài được viết bằng Katakana. Ví dụ: チョコレート (sô cô la)

Tuy nhiên, bạn cần lưu ý rằng không phải lúc nào từ mượn cũng là từ tiếng Anh. Ví dụ: パン (bánh mì) không phải là từ tiếng Anh. Trong tiếng Anh, bánh mì là bread.

オノマトペ Từ tượng thanh, từ tượng hình (Onomatopoeia)

音や様子を表す言葉をオノマトペといいます。オノマトペもカタカナで表します。

例) フカフカな布団

オノマトペは軽い印象になるため、フォーマルな文章では使いません。

Những từ diễn tả âm thanh hoặc trạng thái (Onomatopoeia) cũng được viết bằng Katakana. Ví dụ: chăn フカフカ (chăn mềm mại)

Vì Onomatopoeia tạo cảm giác nhẹ nhàng nên không được sử dụng trong các văn bản trang trọng.

使い分ける方法は難しいですが、日本語の面白さでもあると思います。難しいとき、どうしてそうなるのかわからないときに調べてみると、面白い発見があるかもしれませんね。

Việc phân biệt cách dùng có thể khó, nhưng đây cũng là một trong những điều thú vị của tiếng Nhật. Khi gặp khó khăn và không hiểu tại sao lại như vậy, bạn hãy thử tìm hiểu, có thể bạn sẽ có những khám phá thú vị đấy.

先輩が教える Học từ người đi trước

日本語能力試験合格のヒケツ!

Bí quyết để đậu kì thi JLPT !

チャンミヤエさん N2合格 !

はじめまして。私はチャンミヤエと申します。現在、四国地方で働いております。2023年1月に日本に来ました。そして来日してから約1年間、日本語の勉強を毎日少しずつ続けた結果、2024年に日本語能力試験(JLPT)のN2に合格することができました。この試験に合格できたことで、大きな自信につながりました。

Xin chào. Mình là Chan Myae. Hiện mình đang làm việc tại vùng Shikoku. Mình đến Nhật Bản vào tháng 1 năm 2023. Sau khoảng một năm kể từ khi đến Nhật, mình đã kiên trì học tiếng Nhật từng chút một mỗi ngày. Nhờ đó, mình đã đỗ kỳ thi N2 của Kỳ thi Năng lực Tiếng Nhật (JLPT) vào năm 2024. Việc vượt qua kỳ thi này đã giúp mình tự tin hơn rất nhiều.

日本語の勉強では、文法は教科書やYouTubeの日本語講座を使い、語彙や漢字はノートに書いて覚えました。語彙や漢字は、ノートに繰り返し書いて覚えるようにしていました。聴解力を高めるためには、アニメやドラマを日本語音声で観たり、日本人と一緒に働く中で自然と耳が慣れてきたりしました。読解の練習としては、JLPTの過去問題集を活用しました。

Trong quá trình học tiếng Nhật, mình đã dùng sách giáo khoa và các bài giảng tiếng Nhật trên YouTube để học ngữ pháp, còn từ vựng và chữ Hán thì mình học thuộc bằng cách viết vào sổ. Với từ vựng và chữ Hán, mình đã cố gắng viết đi viết lại vào sổ để ghi nhớ. Để cải thiện kỹ năng nghe, mình đã xem anime và phim truyền hình với âm thanh tiếng Nhật, và tai mình cũng quen dần một cách tự nhiên khi làm việc cùng với người Nhật. Về phần luyện đọc, mình đã sử dụng các đề thi JLPT cũ.

試験に合格したときは、本当に嬉しく、これまでの努力が報われたように感じました。私は将来、日本と母国の架け橋となるような仕事に就きたいと考えています。また、日本語を通じて、世界中のさまざまな人たちと関わりを持ち、広い視野を持って成長していきたいと思っています。

Khi biết mình đã đỗ, mình thực sự rất vui và cảm thấy như những nỗ lực bấy lâu nay của mình đã được đền đáp. Trong tương lai, mình mong muốn tìm được một công việc có thể làm cầu nối giữa Nhật Bản và quê hương. Ngoài ra, mình cũng

muốn thông qua tiếng Nhật để kết nối với nhiều người từ khắp nơi trên thế giới và trưởng thành hơn với một tầm nhìn rộng mở.

日本語を学んだことで、日本での生活がより便利で安心できるようになりました。仕事も最初はわからないことが多く、大変に感じることもありましたが、周囲の方々のサポートもあり、今では毎日楽しく仕事に取り組めるようになりました。日本で学んだ「時間を守ること」や「きれいな環境を保つこと」といった大切な習慣は、自分の国に戻ってからも続けていきたいと強く思っています。

Việc học tiếng Nhật đã giúp cuộc sống của mình tại Nhật Bản trở nên thuận tiện và yên tâm hơn. Ban đầu, công việc có nhiều điều không hiểu nên cũng cảm thấy vất vả, nhưng nhờ sự giúp đỡ của mọi người xung quanh, giờ đây mỗi ngày mình đều có thể làm việc một cách vui vẻ. Mình tin rằng những thói quen quan trọng đã học được ở Nhật Bản, như “đúng giờ” và “giữ gìn môi trường sạch sẽ”, sẽ được mình tiếp tục duy trì ngay cả khi trở về nước.

私が頑張れるのは、自分の夢のため、そして応援してくれる家族の存在があるからです。職場の方々も親切で、もっと頑張ろうという気持ちになります。日本での生活を通じて、以前よりも自分に自信が持てるようになり、考え方もより柔軟になりました。一人で生活する中で、自立心や責任感も自然と身につきました。これは日本に来たからこそ得られた、かけがえのない成長だと感じています。

Điều giúp mình có động lực cố gắng là vì ước mơ của chính mình và vì sự ủng hộ của gia đình. Mọi người ở nơi làm việc cũng rất tốt bụng, điều đó càng khiến mình có thêm động lực để cố gắng hơn nữa. Nhờ cuộc sống ở Nhật Bản, mình đã tự tin hơn trước và suy nghĩ cũng linh hoạt hơn. Sống một mình còn giúp mình tự nhiên trau dồi tính tự lập và tinh thần trách nhiệm. Mình cảm thấy đây là sự trưởng thành vô giá mà chỉ khi đến Nhật Bản mới có được.

これからも、困難なことがあるかもしれませんが、自分を信じて一步一步進んでいけば、きっと道は開けると思います。皆さんもあきらめずに、自分の夢に向かって努力し続けてください。

Từ giờ trở đi, có thể sẽ có những khó khăn, nhưng mình tin rằng nếu mình tin tưởng vào bản thân và tiến lên từng bước một, con đường sẽ rộng mở. Mong tất cả các bạn cũng đừng từ bỏ, hãy tiếp tục nỗ lực vì ước mơ của mình.